

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 09/2022/DS-GĐT

Ngày: 25/02/2022

V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản và
yêu cầu hủy GCNQSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam.

Các thành viên: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Minh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1929;

2. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1939;

Cùng cư trú tại: Thôn 3, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Hoàng Thị V1, sinh năm 1934;

Cư trú tại: Thôn 4, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Trịnh Văn Chương, sinh năm 1940; cư trú tại: Thôn 3, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn:

1. Bà Hoàng Thị V2, sinh năm 1938; cư trú tại: Thôn 1, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trịnh Văn D, sinh năm 1967; cư trú tại: Thôn 3, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền của anh D: Anh Trịnh Văn Qu, sinh năm 1989; cư trú tại: Phòng 507 - C2 Chung cư Vicoland, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Đức Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

2. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa;

Đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Hương;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường;

3. Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1955; cư trú tại: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

4. Bà Trịnh Thị V3, sinh năm 1959; cư trú tại: Thôn 1, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2018 và trong quá trình tố tụng, các nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ của các bà là cụ Hoàng Văn N (chết năm 1989) và cụ Phạm Thị V4 (chết năm 1986) sinh được 07 người con là bà Hoàng Thị V5 (chết năm 1959), bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị V1, bà Hoàng Thị V2, bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Thị M (chết năm 1998, không có chồng con), ông Hoàng Đình Đ (liệt sỹ, hi sinh năm 1968).

Trước khi chết, cụ N có dặn các con cháu là để lại tài sản gồm 01 căn nhà gỗ lớn 05 gian, 03 gian nhà ngang sau tại thôn 3, xã H, huyện V trên diện tích đất 576m² thửa đất số 219, tờ bản đồ số 14 để làm nhà thờ cúng. Đến tháng 3 năm 2013 các chị em trong gia đình bàn bạc thống nhất bán lại tài sản trên cho một người để bảo quản, trông nom. Có ba người đồng ý theo phương án này là bà V, bà V1, bà L. Sau khi tìm hiểu, các bà mới biết diện tích đất trên đã chuyển

quyền sử dụng đất cho bà M từ năm 1994, trong khi bố mẹ các bà không để lại di chúc.

Các nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 219, diện tích 576m², tờ bản đồ số 14 địa chính xã V, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa đã cấp cho bà Hoàng Thị M.

- Chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn N và cụ Phạm Thị V4 để lại theo pháp luật gồm có 01 nhà gỗ 03 gian (nhà 05 gian đã sập 02 gian còn 03 gian) và diện tích đất ở 576m² tại thôn 3, xã H, huyện V.

- Di sản thừa kế được hưởng bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị V1, bà Hoàng Thị L, chị Trịnh Thị B, chị Trịnh Thị V3 cùng thống nhất để làm nhà thờ.

Bị đơn bà Hoàng Thị V2 trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Hoàng Đình N và cụ Phạm Thị V4 sinh được 07 người con như các nguyên đơn trình bày là đúng. Khi còn sống, cụ N và cụ V4 đã nuôi dưỡng anh Trịnh Văn D và sống cùng con gái là bà Hoàng Thị M.

Năm 1985 mẹ bà chết, khi đó bố bà sống cùng bà M và anh D. Trước khi bố bà chết, có gọi các chị em để căn dặn và phân chia di sản. Lúc này chỉ có di chúc miệng. Theo đó, bố bà để lại 05 gian nhà lớn cho bà M, còn 03 gian nhà sau cho anh D lấy vợ về ở đó. Sau khi bố bà chết, bà M và anh D ở trên đất đó và thờ cúng bố mẹ và em trai bà là liệt sỹ Hoàng Đình Đ.

Năm 1994, Nhà nước có chính sách giao đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sống thực tế trên đất, nên việc Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là phù hợp với quy định của pháp luật. Khi bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các chị em trong gia đình đều biết nhưng không có ý kiến gì. Năm 1998 bà M chết, trước khi chết, bà M có viết di chúc để lại di sản thừa kế cho bà và anh D. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

**Bị đơn anh Trịnh Văn D trình bày:*

Cụ N và cụ V4 có 07 người con như các nguyên đơn trình bày là đúng. Anh được hai cụ nuôi dưỡng từ nhỏ. Khi hai cụ còn sống, anh là người chăm sóc và sống cùng hai cụ. Bà M là công chức nên chỉ về nhà vào những ngày cuối tuần và nghỉ lễ.

Năm 1985 cụ V4 chết, sau đó cụ N chết năm 1989, trước khi chết cụ N có gọi các con đến để căn dặn và phân chia tài sản. Cụ để lại 05 gian nhà lớn cho bà

M và 03 gian nhà ngang cho anh. Sau khi hai cụ chết, chỉ có anh và bà M sống cùng nhau trên thửa đất trên. Được một thời gian thì các con của cụ N và cụ V4 xảy ra tranh chấp, các bà đuổi vợ chồng anh ra khỏi nhà. Đến năm 1990 anh xin đất ra làm nhà ở riêng. Anh làm nhà được một thời gian thì những người con của cụ N phá dỡ 03 gian nhà cụ N để lại cho anh. Sau đó chỉ còn bà M sống trên thửa đất đó.

Năm 1994 Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà M mua thêm 77m² đất là sân kho của làng cũ, gộp vào với đất từ trước mà hai cụ để lại. Khi bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã công khai cho tất cả các chị em và không ai có ý kiến gì.

Năm 1998 bà M chết. Trước khi chết, bà M có nhờ anh Thường (con trai bà V) lập di chúc. Khi lập di chúc xong, anh Thường có đọc di chúc cho tất cả các chị em nghe và không ai có ý kiến gì. Sau khi bà M chết, anh là người trông coi di sản và thờ cúng. Năm 2012, anh lên Ủy ban nhân dân xã V để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo di chúc thì xảy ra tranh chấp.

Theo anh D, cụ N đã có di chúc miệng để lại di sản thừa kế cho bà M và anh. Năm 1994 Nhà nước có chính sách cấp giao đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sống thực tế trên đất, nên việc Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là phù hợp với quy định của pháp luật. Khi bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các nguyên đơn đều biết nhưng không có ý kiến gì. Trước khi chết, bà M có để lại di sản thừa kế cho bà V2 và anh. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 09, 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định:

- Chấp nhận một phần nội dung đơn khởi kiện của các bà Hoàng Thị V, Hoàng Thị V1, Hoàng Thị L về việc “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” của bà Hoàng Thị M.

Hủy phần diện tích đất ở 576m² tại thửa số 43, tờ bản đồ số 5 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0344117 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho bà Hoàng Thị M ngày 15/11/1994 (nay là thửa số 219, diện tích 576m², tờ bản đồ số 14 bản đồ địa chính xã V đo vẽ năm 2002).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các bà Hoàng Thị V, Hoàng Thị V1, Hoàng Thị L về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế” của cụ Hoàng Văn N và cụ Phạm Thị V4 theo pháp luật.

Xác định di sản của cụ N và cụ V4 để lại sau khi chết và đến thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết là 464,625m² đất ở, trị giá 92.925.000 đồng; 01 nhà gỗ 03 gian trị giá 7.480.000 đồng và 01 sân gạch trị giá 472.800 đồng. Tổng giá trị tài sản là 100.877.800 đồng.

Những người thừa kế là các bà Hoàng Thị V, Hoàng Thị V2, Hoàng Thị L, Hoàng Thị M và các con của bà Hoàng Thị V5 là chị Trịnh Thị B, chị Trịnh Thị V3 (gồm 06 kỷ phần).

Trích công sức cho anh D số tiền 4.877.800 đồng. Di sản còn lại là 96.000.000 đồng chia đều cho 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần được 16.000.000 đồng.

Phân chia cụ thể như sau:

Chia cho anh D phần đất có diện tích 206,8m² trị giá 41.360.000 đồng; ½ sân gạch trị giá 236.400 đồng. Tổng giá trị tài sản anh D được nhận là 41.596.400 đồng. Trên diện tích đất chia cho anh D có 01 nhà ngói 02 gian trị giá 14.096.000 đồng là tài sản riêng của anh D nên giao cho anh D tiếp tục quản lý, sử dụng.

Anh D được hưởng phần thừa kế của bà M 8.000.000 đồng; phần trích chia công sức 4.877.800 đồng; tổng là 12.877.800 đồng nên anh D có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà V2 số tiền 24.000.000 đồng, anh D có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho các bà V, V1, L, chị B, chị V3 số tiền 4.718.600 đồng.

Kỷ phần tài sản bà V2 được hưởng của cụ N, cụ V4 là 16.000.000 đồng và kỷ phần bà V2 được hưởng của bà M là 8.000.000 đồng, tổng là 24.000.000 đồng nên bà V2 được nhận của anh D số tiền 24.000.000 đồng.

Kích thước khu đất anh D được chia cụ thể như sau: Cạnh phía Bắc dài 9,4m giáp với phần đất hộ bà Cợn; cạnh phía Nam dài 9,4m giáp với đường đi của thôn; cạnh phía Đông dài 22m giáp phần đất của các bà V, V1, L, B, V3 được chia; cạnh phía Tây dài 22m, giáp với đường đi của thôn.

Chia cho bà V, bà V1, bà L, chị B, chị V3 phần đất còn lại có diện tích 257,825m² trị giá 51.565.000 đồng; 01 nhà gỗ 03 gian trị giá 7.480.000 đồng và ½ sân gạch trị giá 236.400 đồng. Tổng giá trị tài sản các bà được chia là 59.281.400 đồng.

Kỷ phần tài sản của các bà V, V1, L, chị B, chị V3 được hưởng của cụ N, cụ V4 là 16.000.000 đồng x 4 = 64.000.000 đồng nên các bà, các chị được nhận thêm số tiền 4.718.600 đồng của anh D giao lại (bà V đại diện nhận số tiền này của anh D).

Kích thước đất các bà V, V1, L, chị B, chị V3 được chia cụ thể như sau: Cạnh phía Bắc dài 9,3m giáp với phần đất hộ bà C; cạnh phía Nam dài 13,2m giáp với đường đi của thôn; cạnh phía Đông dài $(18m + 05m) = 23m$ giáp với đường đi của thôn; cạnh phía Tây dài 22m giáp với đường đi của thôn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/12/2020, Cục thi hành án tỉnh Thanh Hóa có Công văn số 950/CTHADS gửi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có 3 nội dung chính: 1) Chấp hành viên đã xử lý xong phần giao tiền chênh lệch tài sản giữa anh D với các bà V2, V, V1, L, chị B, chị V3. 2) Qua xác minh và theo sơ đồ thì di sản thừa kế của cụ N và cụ V4 là 576m² đất, nhưng Bản án sơ thẩm nêu trên chỉ xác định 464,625 m² để chia. 3) Nếu xác định diện tích và mốc giới như Bản án thì diện tích đất được giao sẽ cắt xéo ngôi nhà gỗ 03 gian.

Ngày 15/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có báo cáo đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngày 20/3/2021 anh Trịnh Văn D cũng đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/KNGĐT-VC1-DS ngày 24/09/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 09, 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Hoàng Văn N (chết năm 1989) và cụ Phạm Thị V4 (chết năm 1986) có 07 người con là bà Hoàng Thị V5 (chết năm 1959, có 02 người con được hưởng thừa kế thế vị là chị Trịnh Thị B, chị Trịnh Thị V3), bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị V1, bà Hoàng Thị V2, bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Thị M (chết năm 1998, không có chồng con), ông Hoàng Đình Đ (liệt sỹ, hy sinh năm 1968, không có vợ, con).

Các đương sự đều xác định cụ N và cụ V4 để lại là thửa đất số 219, tờ bản đồ số 14, diện tích 576m² đất và căn nhà gỗ lớn 05 gian và 03 gian nhà ngang sau tại thôn 3, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Cụ N và cụ V4 đều chết không để lại di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế của cụ N và cụ V4 để lại theo pháp luật cho bà V, bà V1, bà V2, bà L, bà M, người thừa kế thế vị của bà V5 (chị B, chị V3) và trích chia công sức cho anh D là có căn cứ.

[2] Tại Công văn số 123/BC-UBND ngày 02/5/2019, UBND xã V xác định trong tổng số 576m² đất có khoảng hơn 100m² đất là diện tích đất sân kho của Hợp tác xã. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ chính xác diện tích đất di sản do cụ N và cụ V4 để lại là bao nhiêu và có hay không có khoảng 100m² diện tích đất sân kho của Hợp tác xã.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xác định diện tích đất đang tranh chấp là 576m² nhưng Bản án sơ thẩm nhận định thửa đất đo đạc thực tế chỉ còn 464,625m² và quyết định chia di sản cho các đương sự theo diện tích trên là không có cơ sở, mâu thuẫn với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2019.

Tại Công văn số 950/CTHADS ngày 02/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa đã xác định: Qua xác minh thực tế và theo sơ đồ địa chính thì thửa đất số 219, tờ bản đồ số 14 tại thôn 3, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa có diện tích đất là 576m². Qua thực tế đo đạc cho thấy tại Quyết định của Bản án xác định các cạnh, mốc giới không chính xác; khu đất được giao cho bà V, bà V1, bà L, chị B, chị V3 có diện tích 257,825m², có cạnh phía Bắc dài 9,3m giáp phần đất hộ bà C; cạnh phía Nam dài 13,2m giáp với đường đi của thôn; cạnh phía Đông dài (18m+05m) = 23m giáp với đường đi của thôn, cạnh phía Tây dài 22m giáp với đường đi của thôn. Nếu xác định diện tích, mốc giới các cạnh như bản án nêu trên thì diện tích đất được giao sẽ cắt xéo ngang qua ngôi nhà gỗ 03 gian.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, khoản 2 Điều 345, Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 40/KNGĐT-VC1-DS ngày 24/09/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 09, 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữa nguyên đơn là các bà Hoàng Thị V, Hoàng Thị L, Hoàng Thị V1 với bị đơn là bà Hoàng Thị V2, anh Trịnh Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội (để biết);
- TAND tỉnh Thanh Hóa (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII, HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Nam